TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 8 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T ,TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình
Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T : Bà Trịnh Thị Phượng - KSV

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H ; Sinh năm 1975. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T ; Sinh năm 1970. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn Đ xã T , huyện T , tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới vào tháng 5/1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H sinh con xong sức khỏe yếu nên anh T thường xuyên đánh đập chị. Do không chịu được nên chị H bế con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Năm 1994 vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1992 nhưng anh không nhớ ngày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và chị H bỏ về chung sống cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị T , sinh năm 1993 và một con riêng của chị H là Bùi Văn T . Hiện nay các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T : Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T ; Buộc chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T .

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị H trình bày là vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn nhưng anh Nguyễn Văn T trình bày trong Bản tự khai là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã T nhưng anh T cũng không xuất trình được Giấy chứng nhận kết hôn. Mặt khác qua xác minh tại UBND xã T thì năm 1992 anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Do đó quan hệ chung sống giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy quan hệ chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T , sinh năm 1993 nay đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

Tài sản chung của vợ chồng không có nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T .

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2016/0000868 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các ĐS
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng